| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **34**/2023/HNGĐ-PT.
Ngày 27/7/2023.
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Hải Hường

*Các Thẩm phán*: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Ông Nguyễn Hà Giang

***- Thư ký phiên toà***: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27/7/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2023/TLPT-HNGĐ ngày 27/4/2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 06/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2023/QĐ-PT ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2023/QĐ-PT ngày 26/6/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 290/2023/TB-TA ngày 21/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Chãng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang trú tại: thôn Thái Thọ, xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Chãng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai chị Hoàng Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 24/05/2007, đăng ký kết hôn tại UBND Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc

Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn thì chị về nhà anh Đ làm dâu ngay. Vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh Đ thường xuyên uống rượu và đánh chửi chị và không chịu khó làm ăn chăm lo gia đình. Đến tháng 09/2022 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Hiệp Hòa ở cho đến nay. Hai vợ chồng ly thân không còn liên hệ gì với nhau về tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/06/2008, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/07/2010 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 10/12/2017, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Anh, cháu Ánh và để anh Đ nuôi cháu Trang và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Ngọc A là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung với tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Về thời điểm kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị L trình bày anh xác nhận là đúng. Anh xác định trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng. Lý do mâu thuẫn là vợ chồng không có chung quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đầu tháng 09/2022 anh có uống rượu, lúc say anh có nóng tính nói chị L và đuổi chị L đi. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 09/2022 cho đến nay. Anh có lên nhà bố mẹ chị L để nói chuyện khuyên bảo chị L về đoàn tụ nhưng chị L không về. Nay chị L làm đơn ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh cũng không đồng ý ly hôn, anh mong muốn chị L suy nghĩ lại và về đoàn tụ để chăm lo cho các con.

Về con chung: Anh xác nhận con chung như chị L trình bày là đúng. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh tại thôn Chãng, xã Bảo Đài. Trường hợp chị L nhất quyết ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/07/2010 và anh đề nghị được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 10/12/2017, Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/06/2008, anh yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/01 con chung/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ngày 21/02/2023, anh có đơn yêu cầu chia công nợ chung của vợ chồng đối với khoản vay ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện Lục Nam số tiền là 110.000.000 đồng và vay của anh Hòa Văn Báu, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Long Lanh, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang số tiền 20.000.000 đồng, vay của Hội người cao tuổi thôn Chãng, xã Bảo

Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang số tiền 25.000.000 đồng, vay của quỹ hộ trợ nông dân huyện Lục Nam số tiền 25.000.000 đồng.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 06/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn.

*2. Con chung:*

Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/07/2010 và cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/06/2008 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Ngọc A là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 20/3/2023 bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không đồng ý ly hôn với chị L. Nếu chị L vẫn nhất quyết ly hôn thì anh đề nghị được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A1 và cháu Nguyễn Thị Kiều T, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/ tháng đối với cháu Nguyễn Ngọc A1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Chị Hoàng Thị L trình bày: Chị đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý kháng cáo của anh Đ lý do: Chị đang làm công nhân tại công ty Luxshare, chị thu nhập ổn định từ 7 đến 8 triệu đồng/1 tháng, chị có thể đảm bảo cho các con của chị phát triển tốt về mọi mặt. Anh Đ muốn quay về đoàn tụ chị không đồng ý, anh không quan tâm đến con thậm trí con mang con đến Công ty chị đang làm để uy hiếp tinh thần chị và đánh chị tại công ty. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh không đồng ý ly hôn, anh có đánh chị vì chị nhắn tin, gọi điện thoại cho người khác giới, anh có mang con đến công ty để mong muốn chị nghĩ đến con về đoàn tụ với anh, anh không đánh chị như chị

trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, anh đề nghị giao cho anh được nuôi thêm cháu Nguyễn Ngọc A1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 06/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ, HĐXX thấy:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 24/05/2007 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Đ. HĐXX thấy:

Chị L trình bày vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 09/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và do anh muốn đi Nga phát triển kinh tế nhưng chị không đồng ý,do anh uống rượu say nên đã đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Thái Thọ, xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang sinh sống đến nay.

Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn Đạo là bố đẻ anh Đ cho biết: Chị L nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ ở lý do anh chị thường xuyên cãi nhau. Anh Đ cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có đánh chị và có đuổi chị ra khỏi nhà nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn. Chị L tại phiên tòa kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Như vậy, vợ chồng anh Đ, chị L đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay đã sống ly thân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho chị L và anh Đ ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình. Kháng cáo của anh Đ đề nghị cho vợ chồng đoàn tụ không được chấp nhận.

[1.2]. Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ được nuôi cháu Nguyễn Ngọc A1, HĐXX thấy:

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có 03 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/06/2008, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/07/2010 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 10/12/2017. Cháu Trang có nguyện vọng được ở với anh Đ, cháu Ngọc Anh có nguyện vọng được ở với chị L. Cháu Ngọc Ánh còn nhỏ dưới 7 tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Ngọc Ánh và cháu Ngọc Anh; giao cho anh Đ nuôi cưỡng cháu Trang. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đ kháng cáo đề nghị được nuôi dưỡng thêm cháu Nguyễn Ngọc A1.

HĐXX xét thấy: Nguyện vọng được nuôi con chung của chị L, anh Đ là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con. Anh chị đều có thu nhập ổn định, đều đầy đủ điều kiện nuôi con đảm bảo cho các cháu phát triển đầy đủ, khỏe mạnh bình thường. Cháu Nguyễn Ngọc A1 hiện nay còn nhỏ, đang học mẫu giáo nên cần sự quan tâm chăm sóc nhiều hơn từ người mẹ. Thực tế chị L trong quá trình sống ly thân vẫn thường xuyên quan tâm chăm sóc đến việc học hành của cháu Ngọc Ánh tại trường mầm non được cô giáo và nhà trường xác nhận. Để ổn định cuộc sống của cháu Ngọc Ánh cũng như sự phát triển của cháu Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Ánh cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị được nuôi cháu Ánh của anh Đ mà giao cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho cháu Ngọc Ánh được phát triển tốt về mọi mặt, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L được giao nuôi 02 con chung, anh Đ được giao nuôi 01 con chung. Chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc A là 1.000.000 đồng/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh Đ hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Ngọc A là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2]. Từ những nội dung trên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 06/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 06/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0014463 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hường**

| THÀNH VIÊN<br>HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN<br>CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Hoàng Thị Thu Hiền** | **Nguyễn Trung Thông** | **Hoàng Thị Hải Hường** |